

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng
khoáng sản số 3192/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh
(Trữ lượng tính đến ngày 16/11/2021)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/TT-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép số 07/GP-UBND ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Chung Dũng được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh;

Căn cứ Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa”;

Xét Đơn (kèm theo hồ sơ) của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Chung Dũng đề nghị phê duyệt điều chỉnh diện tích, trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1318/TTr-STNMT ngày 23/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa”, cụ thể như sau:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh có nội dung:

“1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 18,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6 có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 , được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất cấp 121 + 122: 7.766.171 m³; trong đó:*
- + Trữ lượng cấp 121: 4.439.610 m³;*
- + Trữ lượng cấp 122: 3.326.561 m³.*
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 7.766.171 m³.”*

Nay điều chỉnh thành:

“1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực xin lập dự án đầu tư khai thác là 13,924 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1A, 2, 3, 4, 5, 6A, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 , được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo, được xác định tại Phụ lục số 02 gửi kèm theo, cụ thể như sau:

- Trữ lượng địa chất cấp 121 + 122: 6.187.105 m³; trong đó:
- + Trữ lượng cấp 121: 3.776.674 m³;
- + Trữ lượng cấp 122: 2.410.431 m³.
- Xác nhận trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 6.187.105 m³.”

Điều 2. Giữ nguyên các nội dung khác trong Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 3192/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty CP ĐTXD&TM Hiệp Chung Dũng;
- Lưu: VT, CN (T1220).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI ĐÁ VÔI LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ THANH KỲ,
HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000	
	(Kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1A	2146 349.46	567 582.00
2	2146 303.00	567 487.46
3	2146 075.00	567 533.00
4	2145 868.00	567 721.00
5	2145 884.00	567 935.00
6A	2146 172.00	568 000.00
7	2146 204.00	567 954.00
8	2146 151.00	567 696.00
9	2146 201.00	567 653.00
10	2146 234.00	567 692.00
11	2146 265.00	567 695.00
12	2146 326.00	567 600.00
Diện tích 13,924 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI
XÃ THANH KỲ, HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA
(KHU VỰC XIN LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ)**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối – cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	KI-122	+ 55,0	34.702	
2	KII-122	+ 55,0	948.403	
3	KIII-121	+ 55,0	3.776.674	
4	KIV-122	+ 55,0	1.421.154	
5	KV-122	+ 55,0	6.172	
Tổng trữ lượng cấp 121 + 122			6.187.105	